

**PHẦN I: TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025****I. Thông tin chung về Công ty:**

- Trụ sở chính: 448 Hùng Vương, Phường Thanh Hà, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
- Giấy ĐKKD: số 4000101407 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2004; thay đổi lần 8 ngày 12 tháng 12 năm 2022;
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến gỗ và lâm sản
 - + Ngành nghề kinh doanh liên quan đến ngành nghề chính: Sản xuất mua bán các loại gỗ tròn, gỗ xẻ, đồ mộc gia dụng, các loại vật liệu phục vụ ngành gỗ
 - + Ngành nghề kinh doanh khác: Cơ khí xây dựng, Xây dựng dân dụng và công nghiệp
- Công ty đại chúng: có
- + Niêm yết, giao dịch: giao dịch, Mã chứng khoán: CHC.

II. Quá trình hình thành, phát triển, sắp xếp doanh nghiệp đến thời điểm hiện nay**1. Năm thành lập:**

Công ty cổ phần Cẩm Hà trước đây là Xí nghiệp chế biến gỗ Cẩm Hà chính thức được thành lập vào tháng 10 năm 1982 theo quyết định số : 967/TCCB của Bộ Lâm Nghiệp và trực thuộc Liên hiệp chế biến và cung ứng Lâm sản II . Tiền thân của Xí nghiệp là công trường B trực thuộc Ban Lâm nghiệp khu V trước giải phóng và sau ngày giải phóng miền Nam chuyển về tiếp quản khu quân sự nguy tại Hội An đặt xưởng chế biến gỗ trực thuộc Tổng kho Lâm sản Đà Nẵng .

Đến năm 1990, Bộ Lâm nghiệp sáp nhập các đơn vị như : Liên hiệp chế biến và cung ứng Lâm sản II ; Naforimex ; Công ty vật tư Lâm nghiệp miền Trung thành Tổng công ty dịch vụ sản xuất và xuất nhập khẩu Lâm sản II . Xí nghiệp Chế biến gỗ Cẩm Hà là đơn vị thành viên của Tổng công ty .

Tháng 12.1995 Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn sáp nhập các Tổng công ty ,các Liên hiệp Lâm công nghiệp ,các Lâm trường trực thuộc Bộ thành Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam và Xí nghiệp là đơn vị thành viên của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam .

2. Năm cổ phần hóa (đối với Công ty cổ phần):

Ngày 07/09/2004, Nhà nước và Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã có Quyết định số 2717/QĐ/BNN-TCCB về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa công ty. Tháng 01/2005, Công ty cổ phần chính thức hoạt động theo Luật doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000101407 do Sở kế hoạch và đầu tư cấp lần đầu ngày 29/12/2004, với vốn điều lệ là : 16.000.000.000 đồng, trong đó Tổng công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ, tương đương : 8.160.000.000 đồng.

3. Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ năm 2016 là : 27.200.000.000 đồng
- Từ năm 2016 đến nay, Công ty có các lần tăng vốn điều lệ như sau:

+ **Lần 1 (Năm 2021):** Công ty tăng vốn điều lệ lên 17.677.310.000 đồng bằng hình thức : chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển với mục đích sử dụng cải tạo nhà xưởng, cải tạo hệ thống điện PCCC và đầu tư máy móc thiết bị cho việc sản xuất hàng nội thất, trong đó Tổng công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu : 51% vốn điều lệ (tương đương : 9.016.800.000 đồng).

+ **Lần 2 (Năm 2022):** Công ty tăng vốn điều lệ lên 22.438.650.000 đồng bằng hình thức : chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để phục vụ mục đích đầu tư dây chuyền MMTB cho việc sản xuất hàng nội thất. Trong đó Tổng công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu 51.% vốn điều lệ (tương đương 11.444.400.000 đồng)

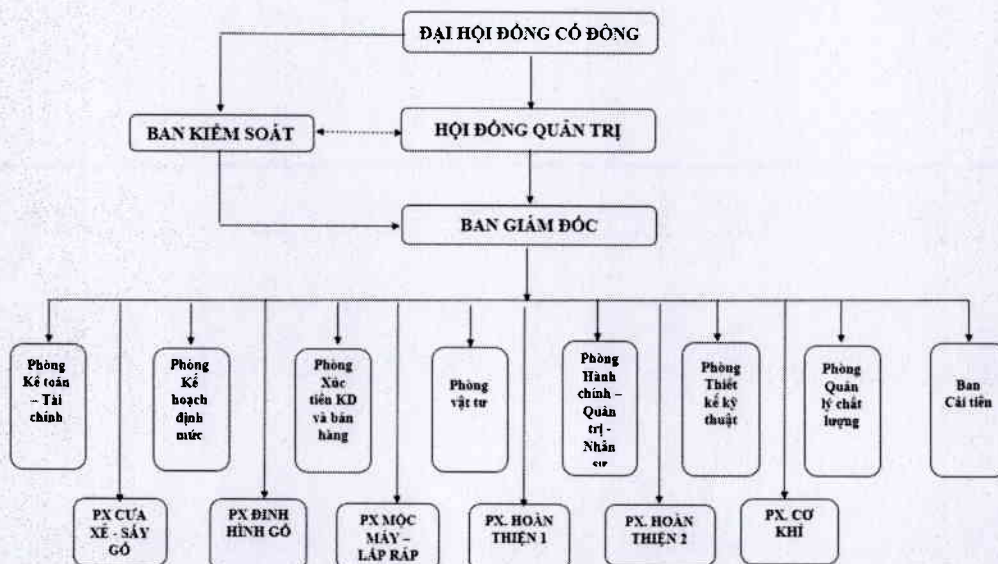
- Vốn điều lệ năm 2021 là 44.877.310.000 đồng.
- Vốn điều lệ năm 2022 là 67.315.960.000 đồng.

4. Cơ cấu vốn điều lệ hiện nay (đối với Công ty cổ phần):

STT	Cổ đông	Tỷ lệ (%)	Số CP	Giá trị (tr.đ)
1	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP	51%	3.433.320	34.333,20
2	Cổ đông (sở hữu trên 10% vốn điều lệ)	0	0	0
3	Cổ đông (sở hữu từ 5% đến dưới 10% vốn điều lệ)	0	0	0
4	Các cổ đông khác	49%	3.298.276	32.982,76
	Tổng cộng	100%	6.731.596	67.315,96

5. Thực trạng cơ cấu tổ chức của Công ty

5.1. Sơ đồ mô hình tổ chức Công ty:



Trong đó:

5.1.1. Đại hội đồng cổ đông (đối với Công ty cổ phần): Theo điều lệ hiện hành của Công ty năm 2022

+ Tỷ lệ thông qua các vấn đề quan trọng (sửa đổi điều lệ, dự án đầu tư...) tại ĐHĐCĐ là: ít nhất bằng 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành

+ Tỷ lệ thông qua các vấn đề quan trọng khác tại ĐHĐCĐ là : trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.

5.1.2. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên:

- Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên gồm :5 thành viên, trong đó 5 thành viên là người do đề cử để bầu.

5.1.3. Ban Điều hành:

- Ban Điều hành gồm :2 thành viên, trong đó gồm 1 Giám đốc và 1 Phó giám đốc (phụ trách công tác quản lý chất lượng; đánh giá nhà máy, đánh giá BSCI; an ninh trật tự, an toàn, vệ sinh, tai nạn lao động; bảo vệ môi trường..).

5.1.4. Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên : 3 người

- Ban kiểm soát/Kiểm soát viên gồm :3 thành viên, trong đó 3 thành viên là người do đề cử để bầu.

5.1.5. Các Phòng, ban:

- Phòng vật tư, với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là làm việc với các nhà cung cấp vật tư và cung ứng vật tư trong sản xuất.

- Phòng thiết kế kỹ thuật, với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là thiết kế sản phẩm mới, triển khai bản vẽ kỹ thuật đến sản xuất theo yêu cầu khách hàng.

- Phòng kế hoạch định mức- tiền lương, với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu: xây dựng, phân bổ kế hoạch sản xuất đảm bảo giao hàng đúng hạn cho khách hàng và định mức sản phẩm chi trả tiền lương đảm bảo công bằng, đúng hạn cho NLĐ.

- Phòng quản lý chất lượng, với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu: Kiểm tra, giám sát công tác chất lượng sản phẩm trong sản xuất đảm bảo đạt yêu cầu khách hàng.

- Phòng kế toán tài chính, với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu: Quản lý công tác tài chính trong công ty, tham mưu cho Giám đốc về các quy định tài chính theo quy định của pháp luật.

- Phòng hành chính quản trị nhân sự, với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu: quản lý nhân sự toàn công ty, thực hiện các chế độ cho NLĐ đảm bảo đúng, đủ theo quy định pháp luật, xây dựng, giám sát thực hiện các quy định, Nội quy công ty.

- Phòng xúc tiến kinh doanh và bán hàng, với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu: Triển khai, thực hiện các hoạt động về kinh doanh, xuất nhập khẩu của công ty, đàm phán, ký kết hợp đồng với khách hàng về đơn đặt hàng, giá cả..

5.1.6. Đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Công ty hiện có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau: không có

5.1.7. Đơn vị có vốn góp (nếu có): không có

5.2. Cơ cấu lao động của Công ty:

Tổng số lao động của Công ty khoảng 613 người. Trong đó:

stt	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng (%)
1	Phân theo trình độ		
	Trên đại học	1	0,16
	Đại học, kỹ sư	44	7,18
	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	33	5,38
	Khác	535	87,28
	Tổng	613	100
2	Phân theo độ tuổi		
	Lao động dưới 30 tuổi	39	6,36
	Lao động từ 31 đến 40 tuổi	133	21,70
	Lao động từ 41 đến 50 tuổi	275	44,86
	Lao động từ 51 tuổi trở lên	166	27,08
	Tổng	613	100

5.3. Đánh giá về thực trạng cơ cấu tổ chức:

- Về tính hợp lý của cơ cấu HĐQT, HĐQTV, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc: Cơ cấu hợp lý, có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn riêng đối với từng cấp, thực hiện đúng theo quy định Luật doanh nghiệp.

- Về cơ cấu cổ đông Công ty (áp dụng đối với Công ty CP): cổ đông công ty hoạt động theo qui định Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

+ Cơ cấu cổ đông trong công ty : theo danh sách chốt ngày 9/9/2022.

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (1.000 VNĐ)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	774	6.731.596	67.315.960	100
	Cá nhân	770	3.254.435	32.544.350	48,35
	Tổ chức	4	3.477.161	34.771.610	51,65
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
	Cá nhân				
	Tổ chức				
	Tổng cộng	774	6.731.596	67.315.960	100

- Về các phòng, ban: Phân quyền từ cao xuống thấp, từ Ban lãnh đạo xuống các phòng ban. Mỗi phòng ban có chức năng, nhiệm vụ riêng và quyền hạn như nhau.

- Về kết quả của các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị có vốn góp : không có
- Về lao động và chất lượng lao động: Lao động mới dần dần thay thế lao động cũ có độ tuổi và lao động về hưu. Chất lượng lao động mới có lành và năng suất lao động cao, tuy nhiên sự gắn bó của lao động mới với công ty thấp. Lao động cũ có nhiều kinh nghiệm, trình độ tay nghề cao và có sự gắn bó lâu dài với công ty. Ngoài ra, sự khác biệt về độ tuổi, suy nghĩ, có thể là lối sống của lao động mới và cũ có phần chênh lệch lớn nên cần nhiều thời gian hơn để thích nghi trong môi trường văn hóa công ty.

6. Tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh trong 05 năm gần đây:

Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong 5 năm gần đây như sau:

6.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Bình quân giai đoạn	
	TH	TH	Tăng trưởng (%)	TH	Tăng trưởng (%)	TH	Tăng trưởng (%)	TH	Tăng trưởng (%)	TH	Tăng trưởng (%)
Tổng Doanh thu (tr.đ)	197.877	259.688	131,24	272.879	105,08	278.204	101,95	315.686	113,47	264.867	112,94
- Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD (tr.đ)	194.765	255.883	131,38	270.731	105,80	276.139	102,00	312.470	113,16	261.998	113,08
- Doanh thu tài chính (tr.đ)	613	918	149,76	1.195	130,17	982	82,18	1.595	162,42	1.061	131,13
- Doanh thu khác (tr.đ)	2.499	2.887	115,53	953	33,01	1.083	113,64	1.621	149,68	1.809	102,96
Lợi nhuận trước thuế (tr.đ)	9.777	11.804	120,73	12.430	105,30	11.867	95,47	12.184	102,67	11.612	106,04
Tỷ lệ chi trả cổ tức nếu có (%)	18	21	116,67	22	104,76	18	81,82	65	361,11	29	166,09
Nợ phải thu (tr.đ) trong đó:	38.656	19.940	51,58	21.054	105,59	37.949	180,25	22.894	60,33	28.099	99,44
- Nợ phải thu khó đòi (tr.đ)											
- Trích lập dự phòng (tr.đ)								1.495			
Nợ phải trả (tr.đ)	101.576	94.276	92,81	108.864	115,47	124.089	113,99	126.481	101,93	111.057	106,05
Tổng tài sản (tr.đ)	141.565	136.654	96,53	152.682	111,73	168.436	110,32	173.955	103,28	154.658	105,46
Vốn chủ sở hữu (tr.đ)	39.988	42.378	105,98	43.818	103,40	44.347	101,21	47.474	107,05	43.601	104,41

6.2 Cơ cấu doanh thu của các sản phẩm chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2016		2017		2018		2019		2020	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Doanh thu từ SP chính 1 (sp từ gỗ)	194.765	100	255.883	100	270.731	100	276.139	100	312.470	100
Tổng cộng	194.765	100	255.883	100	270.731	100	276.139	100	312.470	100

6.3 Cơ cấu lợi nhuận gộp của các sản phẩm chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2016		2017		2018		2019		2020	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Lợi nhuận gộp từ SP chính 1 (sp từ gỗ)	43.529	100	59.942	100	64.840	100	65.186	100	69.009	100
Tổng cộng	43.529	100	59.942	100	64.840	100	65.186	100	69.009	100

6.4 Các chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Bình quân
1. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) (%)	0,196	0,222	0,226	0,211	0,205	0,212
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) (%)	0,055	0,069	0,065	0,056	0,056	0,060
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,718	0,690	0,713	0,737	0,727	0,717
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,540	2,225	2,484	2,798	2,664	2,542
3. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn) (lần)	1,090	1,110	1,152	1,156	1,133	1,128
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (lần)	0,473	0,305	0,271	0,395	0,295	0,348
4. Hệ số bảo toàn vốn (= (Vốn điều lệ + Quỹ ĐTPT của năm X)/(Vốn điều lệ + Quỹ ĐTPT của năm X-1)) (lần)	1,054	1,024	1,029	1,032	1,079	1,044

6.5 Các khó khăn tồn tại và vướng mắc, tồn tại về tài chính

- Công nợ phải thu: không phát sinh công nợ phải thu khó đòi, không có khả năng thu hồi.
- Công nợ phải trả: không phát sinh công nợ phải trả quá hạn

- Hàng tồn kho: không có hàng tồn kho chậm luân chuyển
- Nhu cầu vốn: đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

7. Thực trạng đầu tư phát triển, góp vốn của doanh nghiệp tại các công ty khác: không có

8. Thực trạng quản lý sử dụng đất đai.

8.1 Đất phi nông nghiệp:

Công ty đang quản lý sử dụng 05 thửa đất, tổng diện tích: 161.768 m², trong đó:

a) Khu đất tại 448 Hùng Vương – P.Thanh Hà – TP Hội An – Tỉnh Quảng Nam: diện tích 24.550 m².

- Hợp đồng thuê đất số : 435/HĐTĐ ngày 20/04/2011 để sử dụng vào mục đích xây dựng xưởng sản xuất, chế biến, kinh doanh gỗ. Thời hạn thuê đất từ ngày 01/01/1996 đến ngày 01/01/2046;

- Số GCNQSDĐ: AB 306459 cấp ngày 02/03/2005 được cấp bởi UBND tỉnh Quảng Nam

- Quyết định số 3715/QĐ-UB ngày 13/12/1996 về việc cho Công ty thuê, thời hạn 15 năm từ ngày 01/01/1996.

- Thông báo tiền thuê đất cho chu kỳ ổn định 5 năm gần nhất số :2708/TB-CTQNA ngày 13/04/2022; tiền thuê đất năm là : 2.307.700.000 đồng

- Quy hoạch của khu đất là : không có

- Quyết định di dời, thu hồi đất (nếu có) : không có

b) Khu đất tại Lô số 3 – KCN Điện Nam Điện Ngọc – Điện Bàn - tỉnh Quảng Nam diện tích 23.395 m².

- Hợp đồng thuê đất số 11/HĐTĐ ngày 03/02/2000 để sử dụng vào mục đích xây dựng phân xưởng chế biến gỗ xuất khẩu. Thời hạn thuê đất : 30 năm kể từ ngày 03/02/2000.

- Hợp đồng thuê đất số 11C/HĐTĐ ngày 04/05/2002 về việc mở rộng diện tích đất thuê.

- Số GCNQSDĐ: BK940616 cấp ngày 29/12/2004 được cấp bởi UBND tỉnh Quảng Nam;

- Quy hoạch của khu đất là : không có

c) Khu đất tại Lô số 7 – KCN Điện Nam Điện Ngọc – Điện Bàn - tỉnh Quảng Nam diện tích 14.723 m².

- Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTĐ ngày 27/09/2001 để sử dụng vào mục đích xây dựng phân xưởng chế biến gỗ xuất khẩu. Thời hạn thuê đất: 30 năm kể từ ngày 27/02/2000.

- Số GCNQSDĐ: BK940617 cấp ngày 29/12/2004 được cấp bởi UBND tỉnh Quảng Nam;

- Quy hoạch của khu đất là : không có

d) Khu đất tại Lô số 1 – KCN Điện Nam Điện Ngọc – Điện Bàn - tỉnh Quảng Nam diện tích 17.600 m².

- Hợp đồng thuê đất số 23/HĐTD ngày 04/05/2002 để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà máy chế biến gỗ. Thời hạn thuê đất : 30 năm kể từ ngày 4/5/2002.

- Quy hoạch của khu đất là : không có

e) Khu đất tại Lô số 9 – KCN Điện Nam Điện Ngọc – Điện Bàn - tỉnh Quảng Nam diện tích 81.500 m².

- Hợp đồng thuê đất số 38/HĐTD ngày 01/06/2004 để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà máy sản xuất các mặt hàng gỗ xuất khẩu. Thời hạn thuê đất đến hết tháng 12/2045;

- Quy hoạch của khu đất là : không có

8.2 Đất nông nghiệp (Áp dụng đối với các đơn vị có hoạt động lâm nghiệp):

8.2.1 Công ty đang quản lý sử dụng thửa đất, tổng diện tích: m², trong đó:

a) Khu đất tại: diện tích m².

b) Khu đất tại: diện tích m².

8.2.2 Về diện tích rừng trồng:

8.2.3 Quản lý rừng theo chứng chỉ FSC:

8.3 Về tranh chấp, bị lấn chiếm, thu hồi đất lấn chiếm:

- Diện tích đất tranh chấp, bị lấn chiếm: *Không*

+ Lấn chiếm trước năm 2016:

+ Lấn chiếm phát sinh sau năm 2016

- Diện tích đất đã thu hồi: *Không*

- Diện tích đất còn phải thu hồi: *Không*

Nguyên nhân chậm thu hồi

8.4 Về bàn giao đất về địa phương: *Không*

- Diện tích đất bàn giao:

- Diện tích đất đã bàn giao:

- Diện tích đất còn phải bàn giao

Nguyên nhân chậm bàn giao

8.5 Về đo đạc, cắm mốc: *không*

- Diện tích đo đạc, cắm mốc:

- Diện tích đã thực hiện đo đạc, cắm mốc:

- Diện tích còn phải đo đạc, cắm mốc:

Nguyên nhân chậm đo đạc, cắm mốc:

8.6 Về công tác sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của Công ty:

❖ Công ty có thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ : có

❖ Phương án sắp xếp :

a/Cơ sở 1 : 448 HùngVương, Phường Thanh Hà, TP Hội An, Quảng Nam

+ Diện tích : 24.550 m².

+ Hình thức sắp xếp : giữ lại tiếp tục sử dụng

b/Cơ sở 2:Lô 3, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, Quảng Nam

+ Diện tích : 23.395 m².

+ Hình thức sắp xếp : giữ lại tiếp tục sử dụng

c/Cơ sở 3:Lô 7, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, Quảng Nam

+ Diện tích : 14.723 m².

+ Hình thức sắp xếp : giữ lại tiếp tục sử dụng

d/Cơ sở 4:Lô 1, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, Quảng Nam

+ Diện tích : 17.600 m².

+ Hình thức sắp xếp : giữ lại tiếp tục sử dụng

e/Cơ sở 5:Lô 9, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, Quảng Nam

+ Diện tích : 81.500 m².

+ Hình thức sắp xếp : giữ lại tiếp tục sử dụng

8.7 Tình hình thực hiện kết luận thanh tra về đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền:

- Nội dung kết luận thanh tra: theo Biên bản kiểm tra của Đoàn Thanh tra Chính phủ ngày 17.8.2018 về việc quản lý và sử dụng đất đai tại Công ty cổ phần Cẩm Hà, kết luận có 3 nội dung :

a. Chưa cung cấp Hợp đồng thuê đất với Sở địa chính tỉnh Quảng Nam (thời hạn thuê đất 15 năm kể từ ngày 01/01/1996)

b. Chưa cung cấp Hồ sơ xin gia hạn thời gian thuê đất khi hết thời hạn thuê đất 15 năm theo Quyết định 3715/QĐ- UB ngày 12/12/1996 của UBND tỉnh Quảng Nam

c. Chưa đưa hồ sơ quyền sở hữu công trình xây dựng và sở hữu tài sản gắn liền với đất để cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất.

- Nội dung đã thực hiện: chưa có

- Nội dung còn phải thực hiện (đến 31/12/2020) : đang trong quá trình kết hợp với cơ quan chức năng để thực hiện.

- Nguyên nhân chưa thực hiện xong : đối với Hợp đồng thuê đất và Hồ sơ xin gia hạn thời gian thuê đất vì thời gian quá lâu, vì vậy công ty đang trong quá trình tìm kiếm và nhờ thêm sự hỗ trợ của các cơ quan liên quan. Đối với việc đưa hồ sơ sở hữu công trình xây dựng và sở hữu tài sản gắn liền với đất để cấp lại Giấy chứng nhận

QSD đất : công ty đang trong quá trình thực hiện hồ sơ thủ tục để được cơ quan hữu quan cấp lại Giấy chứng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất.

8.8 Phân tích, đánh giá:

+ Tình hình chấp hành pháp luật, quy định, chỉ đạo của Tổng công ty về đất đai : tuân thủ theo qui định của pháp luật và chỉ đạo của Tổng công ty.

+ Các vấn đề phát sinh khác liên quan đến các khu đất đang quản lý : không có

9. Nhận xét, đánh giá những kết quả đạt được; những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học rút ra.

a) Những kết quả đạt được:

- Hiệu quả về xã hội: thúc đẩy sản xuất, tạo việc làm và thu nhập cho lao động tại địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội vùng.

- Hiệu quả về môi trường: góp phần bảo vệ môi trường như : xây dựng hệ thống xử lý nước thải, thu gom chất thải độc hại nguy hiểm theo qui định, trang bị hệ thống hút bụi, tăng cường trồng cây xanh, thực hiện Kaizen-5S ...

- Hiệu quả về chế biến, xuất khẩu: Đóng góp vào kinh ngạch xuất khẩu ngành gỗ trong nước; tăng thu dòng tiền ngoại tệ trong nước, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương.

- Hiệu quả khác về kinh tế, tổ chức, quản trị doanh nghiệp :Hoạt động xuất khẩu là động lực quan trọng thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế, cải thiện cán cân thanh toán, ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định tỷ giá, kiểm soát lạm phát.Tạo động lực đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân khách quan, chủ quan:

- Về cơ cấu lao động: độ tuổi lao động bình quân cao (bình quân 44 tuổi); việc tuyển dụng lao động mới gặp nhiều khó khăn do đặc thù của ngành gỗ nhiều khói bụi, nóng và tiếng ồn. Lao động trẻ thường không có sự gắn bó lâu dài với công ty.

- Về quản trị doanh nghiệp (nếu có):

- Về tài chính: vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu phụ thuộc vào vốn vay, vì vậy nguy cơ tiềm ẩn nhiều rủi ro như bị động về vốn phục vụ hoạt động SXKD, tiếp cận vốn vay khó khăn, lãi vay tăng...

- Về thực hiện các dự án:ban đầu khi xây dựng đề án Đầu tư dây chuyền sản xuất hàng nội thất xuất khẩu chưa lường trước hết những tác động khách quan như : ảnh hưởng của Dịch Covid, thay đổi chính sách, thủ tục hồ sơ pháp lý... đã làm chậm tiến độ dự án.

- Về quản lý, sử dụng đất : về hồ sơ thủ tục pháp lý khi đưa tài sản trên đất để cấp lại Giấy CNQSDĐ thì cơ quan chức năng không có hướng dẫn rõ ràng, thủ tục rất lâu, đồng thời một số hồ sơ như hoàn công xây dựng công trình không có do công trình xây dựng đã lâu khi đó chưa có qui định này vì vậy khó khăn trong bổ sung các giấy tờ pháp lý, thủ tục hồ sơ, kéo dài thời gian cấp Giấy CNQSDĐ.

c) Nhận xét, đánh giá:

Mặc dù trải qua 5 năm với nhiều biến cố bất lợi của nền kinh tế thế giới đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xuất khẩu của công ty. Tuy nhiên với sự bám sát và chỉ đạo quyết liệt của HĐQT công ty, Ban điều hành đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, đề tiển hành sản xuất, đàm phán kinh doanh, đổi mới nhiều trong công tác quản lý, sắp xếp tinh gọn nhà xưởng, nhân sự, cải tiến trong sản xuất, áp dụng mô hình 5S-Kaizen, mô hình mới trong quản lý chất lượng, .. kết quả đã mang lại sự tăng trưởng nhiều mặt như doanh thu, lợi nhuận, năng suất lao động. Đặc biệt là thu nhập cao hơn cho người lao động và môi trường làm việc với nhiều máy móc mới, an toàn sạch sẽ, ít bụi ồn, đảm bảo các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, đảm bảo phát triển ổn định bền vững. Đồng thời, hài hòa lợi ích giữa công ty – người lao động và các cổ đông.

d) Bài học kinh nghiệm rút ra :

Mặc dù công ty đã đạt được những hiệu quả trong SXKD nhưng bên cạnh đó công ty cũng còn một số hạn chế :

- Chưa tận dụng hết tiềm năng năng lực hiện có, mặc dù tình hình hoạt động SXKD qua các năm có sự tăng trưởng nhưng chưa có sự tăng trưởng vượt trội, năm 2019 để xảy ra tình trạng thiếu việc làm người lao động.

- Chưa thực sự phát huy hết khả năng trong công tác thị trường, chậm xử lý thông tin, công tác bám sát khách hàng chưa cao, chưa chủ động tham mưu cho lãnh đạo trong việc phát triển kinh doanh.

- Công tác phát triển mẫu sản phẩm mới bán ra thị trường chiếm tỷ lệ thấp, nguyên nhân chủ yếu là do mẫu tự phát triển nên ý tưởng không đúng với nguyện vọng khách hàng, chưa nghiên cứu mức giá phù hợp nên dẫn đến nhiều sản phẩm đưa ra mức giá cao.

- Trong những năm qua, công tác quản lý chất lượng công ty đã dần đi vào nề nếp, tinh thần tự giác trong sản xuất của người lao động được nâng cao, công ty đã tiết giảm được chi phí nhân công trong khâu QLCL..nhưng bên cạnh đó việc tuân thủ qui trình sản xuất vẫn chưa thực hiện tốt, còn xảy ra lỗi trong quá trình sản xuất, việc nhìn nhận trước nguy cơ, tiềm ẩn có thể xảy ra đối với sản phẩm chưa tốt, phần nào hạn chế về trình độ đánh giá của nhân viên QLCL.

- Thị trường Châu Âu tiếp tục sụt giảm, các khách hàng lớn truyền thống công ty từ thị trường này có lượng đơn hàng ngày càng giảm, dẫn đến sự phụ thuộc vào thị trường Mỹ là quá lớn, như vậy về cân bằng thị trường không thể hiện được sự tham vọng, từ một đơn vị có tiếng trên thị trường nay chúng ta xếp sau rất nhiều đơn vị tại Quy Nhơn, Đồng Nai, Bình Dương.

- Ngành hàng của công ty chủ yếu phụ thuộc vào lao động chân tay mà lực lượng lao động này đang có xu hướng già hoá, ngoài ra theo thống kê lượng lao động hàng năm đều giảm 5%, đây cũng là một khó khăn không nhỏ trong vấn đề xây dựng thế hệ kế cận.

PHẦN II: NỘI DUNG ĐỀ ÁN CƠ CẤU LẠI DOANH NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Cơ sở xây dựng đề án cơ cấu lại

- Các Luật: Doanh nghiệp; Chứng khoán (đối với Công ty CP đại chúng) và các văn bản hướng dẫn Luật.

- Kết luận số 82/KL-TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp (đối với Công ty lâm nghiệp)

- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp (đối với Công ty lâm nghiệp).

- Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp (đối với Công ty lâm nghiệp).

- Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025”.

- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Văn bản chỉ đạo của Tổng công ty: số 1388/TCT-ĐTTC ngày 29/12/2022 về việc xây dựng đề án cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025.

- Tình hình, nhu cầu thực tế của Công ty cổ phần Cẩm Hà

II. Mục tiêu:

1. Mục tiêu chung:

- Phấn đấu đến năm 2025 hoàn thành đề án cơ cấu lại, trong đó:

+ Bảo toàn và phát triển vốn;

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, năng lực cạnh tranh của Công ty

+ Tạo công ăn việc làm thu nhập cho người lao động;

+ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;

+ Đổi mới phương thức quản lý, quản trị; cơ cấu ngành nghề hợp lý hơn, tập trung vào lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp và chế biến lâm sản là nòng cốt, phát triển bền vững; nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai.

+ Duy trì thế mạnh truyền thống của công ty là xuất khẩu mặt hàng ngoài trời, đồng thời tiến tới triển khai phương án sản xuất cung cấp chủng loại mặt hàng nội thất

áp dụng dây chuyền tự động cao; sử dụng ít lao động, tạo lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh thiếu hụt nguồn lao động và giá nhân công tăng cao trong tương lai.

+ Luôn giữ vị thế tốt và uy tín đối với khách hàng trong việc giao hàng, ổn định chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu chặt chẽ về vấn đề môi trường, an sinh, xã hội;

2. Mục tiêu cụ thể:

❖ Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Bình quân	Tốc độ tăng trưởng bình quân
I. Về hiệu quả sản xuất kinh doanh							
Doanh thu (tỷ đồng)	380	274	250	320	400	324,8	104,09
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	13,5	7,8	3	8	10	8,46	121,98
Cổ tức/Lợi tức (%)	-	3	-	8	8	4,2	-
Thu nhập bình quân (tr. đ/ người)	10,2	10,6	8,8	10,0	11,9	10,3	104,89
II. Về lâm sinh (áp dụng đối với Công ty có hoạt động lâm nghiệp)							
Diện tích trồng rừng mới (ha)							
Diện tích trồng rừng gỗ lớn (ha)							
Sản lượng gỗ khai thác (m ³ /ha)							
Sản lượng cung ứng cây giống có chất lượng ra thị trường (cây)							
Năng suất rừng trồng mới (m ³ /ha)							
Diện tích rừng đạt chứng chỉ FSC (ha)							
Diện tích đất lâm chiếm được thu hồi (ha)							
Diện tích chuyển từ rừng khoán hộ thành rừng tự thực hiện (ha)							
...							

❖ Một số chỉ tiêu khác:

+ Phân đầu ứng dụng công nghệ 4.0 vào trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện quản trị doanh nghiệp tiệm cận với các nguyên tắc quản trị tiên tiến.

+ Phân đầu xử lý cơ bản xong những dự án, công trình chậm tiến độ.

III. Định hướng và các giải pháp cơ cấu lại doanh nghiệp trong giai đoạn 2021-2025

1. Chiến lược phát triển, ngành nghề, định hướng kinh doanh, sản phẩm, thị trường đến năm 2025:

- Ngành nghề kinh doanh chính tiếp tục duy trì: sản xuất mặt hàng ngoài trời, sản phẩm chủ lực là các mặt hàng gỗ kết hợp kim loại, đa dạng kiểu dáng, mẫu mã và nguyên liệu. Thiết kế phù hợp tối ưu hoá sản phẩm nhằm có mức giá phù hợp cho thị trường.

Thị trường đối với hàng ngoài trời : Tập trung đẩy mạnh thị trường EU và Mỹ , cố gắng 50/50. Bên cạnh đó mở rộng thêm thị trường Úc và các thị trường khác, không tập trung vào 1 thị trường nhất định.

- Ngành nghề kinh doanh mới dự kiến bổ sung: sản xuất các mặt hàng nội thất tháo rời.

Lý do bổ sung:

+ Mở rộng qui mô sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

+ Giải quyết công ăn việc làm cho người lao động

+ Đa dạng hoá dòng sản phẩm nội thất và ngoại thất

- Công ty chủ trương định hướng với 2 thị trường lớn là Châu Mỹ và Châu Âu, đặc biệt tập trung phát triển mạnh với các khách bán hàng qua kênh internet. Thực tế đã chứng minh đây là kênh tiêu thụ hàng mạnh, đều đặn; mặc dù giá cả và hiệu quả có thấp hơn kênh bán hàng truyền thống nhưng quan trọng đã tạo đủ công việc cho người lao động.

- Công ty vẫn luôn giữ uy tín tốt đối với khách hàng trong việc giao hàng đúng hẹn, ổn định chất lượng sản phẩm và cạnh tranh trên cơ sở mẫu mã mới đa dạng.

- Công ty luôn chủ động trong việc rà soát và thẩm định năng lực tài chính của khách hàng nhằm loại bỏ khách hàng kém hiệu quả, đơn hàng số lượng ít, thanh toán chậm. Đồng thời tập trung tăng cường khai thác các khách hàng hiệu quả hơn.

2. Chiến lược phát triển sản phẩm, lĩnh vực chủ chốt đến năm 2025:

- Sản xuất cung cấp những sản phẩm có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, giá thành hợp lý. Đồng thời đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, an ninh, chính sách an sinh đối với người lao động và luôn có nhiều cải tiến thay đổi, đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả hơn.

- Phát triển bền vững bằng chiến lược xây dựng các dòng sản phẩm chất lượng, có lợi thế cạnh tranh dài hạn bằng việc không ngừng đa dạng hoá dòng sản phẩm nội và ngoại thất, mở rộng thị trường phân phối nhằm tiến đến trở thành nhà cung cấp hàng đầu trong lĩnh vực đồ gia dụng bàn ghế ngoài trời tại Việt Nam.

- Có nhà máy sản xuất hàng nội thất trên nền tảng máy móc thiết bị tự động hoá, sản lượng từ mặt hàng này chiếm ít nhất 30% doanh số toàn công ty.

- Từng bước khẳng định vị thế của một doanh nghiệp uy tín, vững mạnh dựa trên nền tảng chất lượng sản phẩm dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng.

3. Đổi mới quản trị doanh nghiệp đến năm 2025:

- Về sửa đổi, bổ sung Điều lệ và ban hành các quy định, quy chế nội bộ : Sửa đổi Điều lệ; Ban hành qui chế quản trị nội bộ, qui chế hoạt động của HĐQT, qui chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp theo qui định hiện hành.

- Về công tác kiểm soát nội bộ: tăng cường công tác kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Về công tác công bố thông tin (đối với công ty đại chúng): áp dụng công bố thông tin qua hệ thống IDS, CIMS và trang web công ty.

- Áp dụng CNTT trong quản lý : ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trên nền tảng Cách mạng công nghệ 4.0 vào hoạt động sản xuất : phần mềm kho, phần mềm kế toán, phần mềm tiền lương, phần mềm quản lý nhân sự,..

4. Phương án cơ cấu lại tài chính, vốn, tài sản đến năm 2025

4.1 Phương án xử lý các tồn tại tài chính:

- Về dự án đầu tư chậm tiến độ : Tiếp tục triển khai hoàn thành Dự án Đầu tư dây chuyền sản xuất hàng nội thất tại Cơ sở 2, thời gian dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng Quý 2/2023.

- Về Phương án kinh doanh, đầu tư ra ngoài thua lỗ : không có

- Về hàng tồn kho chậm luân chuyển: ưu tiên giải quyết hàng tồn kho để thu hồi vốn kịp thời bằng cách : yêu cầu PKD bám sát, thông tin liên tục, gửi email cho khách nhằm đơn đốc xuất hàng sớm, đưa ra giải pháp giảm giá cho khách hàng, thậm chí có thể chấp nhận lỗ ít hoặc huê vốn.

- Về công nợ phải thu khó đòi, công nợ phải trả chậm trả (lương, NSNN, ...): không có

❖ Tổng nhu cầu vốn về xử lý các tồn tại tài chính: không có

4.2 Phương án xử lý tài sản đã hết khấu hao hoặc không cần dùng :

- Đối với tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng : thực hiện quản lý theo dõi trên sổ sách kế toán như những tài sản thông thường.

- Đối với tài sản đã hết khấu hao và không sử dụng : đề xuất thanh lý tài sản theo qui định để thu hồi vốn tái đầu tư.

4.3 Phương án huy động vốn:

- Tổng nhu cầu vốn (dự án đầu tư phát triển, vốn lưu động, xử lý tồn tại tài chính...):

- Huy động vốn:

+ Vốn tự có : 52,6 tỷ đồng

+ Vốn vay: 0 tỷ đồng

++ Vay Tổng công ty :

++ Vay NHTM :0 tỷ đồng

++ Vay đối tượng khác : 0

- + Phát hành trái phiếu Doanh nghiệp (nếu có)
- + Phát hành cổ phiếu (áp dụng đối với công ty CP) : 22,4 tỷ đồng

5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ năm 2020: 27.200.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau tăng vốn năm 2022 : 67.315.960.000 đồng
- Vốn điều lệ năm 2025: 67.315.960.000 đồng
- Hiệu quả sau tăng vốn điều lệ:
 - + Đảm bảo sự ổn định và phát triển của doanh nghiệp.
 - + Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.
 - + Tăng mức độ tin cậy của doanh nghiệp đối với các đối tác, chủ nợ.
 - + Góp phần đảm bảo sự an toàn về pháp lý trong hoạt động mở rộng thị trường, đầu tư hoạt động kinh doanh.

(Chi tiết tại phụ lục số 02)

IV. Phương án cơ cấu lại nhân sự, lao động, tổ chức bộ máy quản lý

1. Phương án cơ cấu tổ chức :

- Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp đến năm 2025: Căn bản vẫn giữ nguyên sơ đồ như hiện tại vì đây là mô hình quản lý của công ty cũng hoạt động từ lâu, phù hợp với đặc điểm và tình hình thực tế của công ty.

- Phân xưởng sản xuất: Thành lập thêm 01 phân xưởng chuyên về sản xuất hàng nội thất

- Phòng ban: giữ nguyên số lượng phòng ban, tuy nhiên có sự thay đổi trong phân công công việc thêm, mới mẻ thêm cho các phòng ban.

+ Thêm 1 bộ phận về R&D (nghiên cứu và phát triển) : nhân sự có thể kiêm việc/vị trí và có phân công nhiệm vụ rõ ràng. Bộ phận này gồm những cá nhân từ các phòng ban như marketing, thiết kế kỹ thuật làm các nhiệm vụ: xây dựng chiến lược sản phẩm, phát triển sản phẩm mới, điều tra khách hàng, thị trường, đối thủ nhằm đưa ra chiến lược mang tính khác biệt và đúng đắn phù hợp với thực tế công ty.

+ Thêm 1 bộ phận chăm sóc khách hàng (nhân sự có thể kiêm việc) và có phân công nhiệm vụ rõ ràng. Bộ phận này có nhiệm vụ tiếp nhận ý kiến phản hồi từ phía khách hàng trên cơ sở bản nhận xét, đánh giá sự hài lòng của khách hàng về chất lượng sản phẩm, an sinh, trách nhiệm xã hội..., đưa ra chiến lược, giải pháp hành động, cải tiến kịp thời để làm hài lòng khách hàng. Định kỳ báo cáo cho Giám đốc và BP liên quan.

2. Phương án nhân sự, lao động : dự kiến bổ sung lao động khối gián tiếp và trực tiếp khoảng 10-20%

a/ Khối trực tiếp:

+ Bổ sung lao động làm việc tại PX nội thất: 50% lao động hiện đang làm việc tại công ty, có tay nghề và tuyển dụng thêm mới 50% lao động ngoài thị trường lao động.

- Ưu tiên lao động có kinh nghiệm, có tay nghề, lao động đã qua đào tạo về vận hành máy móc hoặc lao động phổ thông có sức khỏe để làm việc.
- Lao động địa phương, nơi sinh sống gần Công ty hoặc nơi ở xa nhưng lập nghiệp tại khu vực gần công ty.

- Độ tuổi lao động tuyển dụng: từ 18 đến 35 tuổi.

b/ Khối gián tiếp:

- Tiếp tục tuyển dụng nhân sự mới, có năng lực phù hợp với các vị trí tại công ty.
- Đề bạt các nhân viên có bằng cấp, năng lực, sau quá trình đào tạo, thử thách, đánh giá đưa vào vị trí quản lý.

V. Kế hoạch đầu tư phát triển:

1. Tổng mức đầu tư tiếp tục thực hiện các Dự án dở dang: không có

- + Dự án chế biến gỗ:
- + Thu hồi đất lấn chiếm:
- + Đầu tư xây dựng cơ bản (xây mới, sửa chữa...):
- + Dự án đầu tư khác của Công ty:

2. Tổng mức đầu tư bổ sung, mới dự kiến đến năm 2025:

- + Dự án chế biến gỗ: Dự án đầu tư Dây chuyền sản xuất hàng nội thất xuất khẩu với tổng vốn đầu tư : 39 tỷ đồng.
- + Thu hồi đất lấn chiếm: không có
- + Đầu tư xây dựng cơ bản (xây mới, sửa chữa...): không có
- + Dự án đầu tư khác của Công ty: không có

3. Nguồn vốn thực hiện:

- Vốn tự có của Công ty: 52,6 tỷ đồng
- Từ nguồn vốn cấp, bổ sung của Tổng công ty : 0 tỷ đồng
- Từ nguồn vốn vay: 0 tỷ đồng

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cộng
+ Vốn tự có	Tỷ đồng	8	19,6		15	10	52,6
+ Vốn vay	Tỷ đồng	-	-			-	-
+ Vốn khác (từ chào bán cổ phiếu)	Tỷ đồng	-	22,4	-	-	-	22,4
Trong đó : vốn Tổng công ty			11,4			-	11,4
Tổng cộng	Tỷ đồng	8	42		15	10	75

4. Số dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025

- : Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất hàng nội thất xuất khẩu tại Cơ sở 2.

5. Hiệu quả dự kiến của từng Dự án mang lại trong giai đoạn 2021-2025.

- Việc tăng vốn điều lệ cho phép công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp công ty giảm bớt việc phụ thuộc vào nguồn vốn vay, có đủ năng lực tài chính để đầu tư máy móc, thiết bị nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu khách hàng, tạo điều kiện cho công ty có thể nắm bắt những cơ hội kinh doanh tốt.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của công ty trên nền tảng công nghệ hiện đại, năng lực đổi mới sáng tạo, quản lý chặt chẽ, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.
- Phát huy, tận dụng tiềm năng và năng lực hiện có nhằm tạo được sự tăng trưởng đột biến trong tương lai.
- Cung cấp sản phẩm có chất lượng cao, ổn định đáp ứng được yêu cầu của khách hàng
- Đem lại việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

(Chi tiết tại phụ lục số 03)

VI. Phương án quản lý, sử dụng đất:

1. Đất phi nông nghiệp:

- Công ty tiếp tục duy trì sử dụng cho mục đích sản xuất chế biến đồ gỗ xuất khẩu và đầu tư mở rộng nhà máy chế biến đồ nội thất tại cơ sở 2 trong thời gian tới.

- Tiếp tục hoàn thành nội dung trong kết luận của Đoàn thanh tra Chính phủ :

+ Đến tháng 9/2021 Công ty đã bổ sung hồ sơ Hợp đồng thuê đất với Sở địa chính tỉnh Quảng Nam (thời hạn thuê đất 15 năm kể từ ngày 01/01/1996) và Hồ sơ xin gia hạn thời gian thuê đất khi hết thời hạn thuê đất 15 năm theo Quyết định 3715/QĐ- UB ngày 12/12/1996 của UBND tỉnh Quảng Nam

+ Công ty sẽ tiếp tục thực hiện, phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương để sớm hoàn thành hồ sơ liên quan đến cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền trên đất.

(CV số 623/CT-CV ngày 7/9/2021 gửi Đoàn thanh tra Chính phủ và CV số 675/CT-CV ngày 27/9/2021 gửi Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam)

2. Đất nông nghiệp (Áp dụng đối với các đơn vị có hoạt động lâm nghiệp):

2.1. Về diện tích rừng trồng đến năm 2025:

2.2. Quản lý rừng theo chứng chỉ FSC đến năm 2025:

3. Về tranh chấp, bị lấn chiếm, thu hồi đất lấn chiếm : *không có*

4. Về chuyển đổi mục đích, bàn giao đất về địa phương: *không có*

5. Về đo đạc, cắm mốc : *không có*

VII. Phương án thoái vốn, sắp xếp lại các đơn vị có vốn góp:

- Tiếp tục duy trì vốn tại Công ty: có
- Dự kiến bổ sung vốn tại Công ty: không có
- Dự kiến thoái vốn tại Công ty: không có

VIII. Kế hoạch, giải pháp tham gia hình thành chuỗi cung ứng, sản xuất (nếu có):

- Đề nghị các Hiệp hội ngành hàng và Hiệp hội VLA, Hiệp hội Đại lý Môi giới hàng hải Việt Nam, Hiệp hội Cảng biển Việt Nam cùng với VCCI cần có sự phối hợp, hợp tác với nhau và với các doanh nghiệp thành viên trong việc trao đổi thông tin về tình hình thị trường giá cước, container rỗng và hoạt động nghiệp vụ cùng giải quyết với các hãng vận chuyển trong việc lưu cước, giá cước và giám phụ phí hàng hải...

- Chủ động lập kế hoạch, xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, linh hoạt thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh vĩ mô và vi mô. Tích cực, chủ động hội nhập, tận dụng lợi thế từ các FTA để tham gia sâu rộng vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Việc tạo ra chuỗi cung ứng phối hợp thông qua việc tự nguyện hội nhập kinh tế, môi trường và xã hội với các hệ thống kinh doanh tổ chức chính được thiết kế để quản lý có hiệu quả và hiệu quả các nguồn nguyên liệu, thông tin, cùng dòng vốn liên quan đến mua sắm, sản xuất và phân phối sản phẩm hoặc dịch vụ. Qua đó nhằm đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan và cải thiện khả năng cạnh tranh.

IX. Nâng cao vai trò lãnh đạo, giám sát của tổ chức Đảng tại Công ty

- Quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của công ty theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; thống nhất trong nhận thức, tạo sự nhất trí cao trong công ty để có hành động quyết liệt, cụ thể trong thực hiện.

- Thực hiện quy định về trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu tổ chức đảng trong hoạt động quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

X. Dự kiến hiệu quả của Đề án :

- Hiệu quả về kinh tế:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Bìnhquân
Doanh thu (tr.đ)	380.485	274.035	250.000	320.000	400.000	324.904
LNST (tr.đ)	10.732	6.057	2.400	6.400	8.000	6.718

- Hiệu quả về xã hội: giải quyết việc làm, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động trong địa phương, góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội vùng

- Hiệu quả về môi trường: góp phần bảo vệ môi trường thông qua các hạn mục phụ trợ kèm theo khi đầu tư dự án như hệ thống xử lý nước thải, khói bụi, cây xanh..

- Hiệu quả về chế biến, xuất khẩu: đóng góp vào kinh ngạch xuất khẩu ngành, tạo uy tín của ngành trong và ngoài nước.

- Hiệu quả khác về kinh tế, tổ chức, quản trị doanh nghiệp : đào tạo nguồn nhân lực nhân viên, quản lý để đóng góp và sự phát triển của xã hội.

XI. Tổ chức thực hiện

1. Thông qua Đề án cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2021-2025
 2. Lộ trình cụ thể triển khai các phương án, giải pháp chính nêu tại Đề án.
- Đầu tư phát triển:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	Đầu tư nhà xưởng,MMTB, DCQL..	Tỷ đồng	8	42	-	15	10
	- Trong đó:	Tỷ đồng					
	+ Đầu tư hàng ngoại thất	Tỷ đồng	8	3	-	7,5	10
	+ Đầu tư hàng nội thất (*)		-	39	-	7,5	-

(*) Dự kiến đầu tư hàng nội thất năm 2024 : 7,5 tỷ là đầu tư bổ sung cho những máy móc thiết bị chưa mua của Dây chuyền sản xuất hàng nội thất.

- Sắp xếp bộ máy tổ chức : không có
- Sắp xếp các đơn vị thành viên : không có
- Cơ cấu lại vốn, tài chính :

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng):	17.677	22.438	-	-	-
+ Từ các Quỹ hợp pháp	-	-	-	-	-
+ Từ lợi nhuận sau thuế để lại	17.677	-	-	-	-
+ Từ chào bán cổ phần phát hành thêm	-	22.438	-	-	-
Nguồn vốn CSH cuối kỳ (triệu đồng)	44.877	67.316	67.316	67.316	67.316

* Các số liệu dự kiến trong giai đoạn từ năm 2021-2025 là căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm hiện tại để xây dựng Đề án, công ty chưa tính đến các yếu tố khách quan và bất khả kháng.

- Đổi mới quản trị doanh nghiệp :
 - + Năm 2021 : ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT công ty; Quy chế nội bộ về quản trị công ty ; Qui chế hoạt động của Ban kiểm soát .
 - + Năm 2022 : ban hành Qui chế trả lương.

XII. Kiến nghị, đề xuất với Tổng công ty : không có

Hội An, ngày tháng năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẨM HÀ
CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN CHÍ DŨNG

PHỤ LỤC 01
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016-2020
CỦA CÔNG TY CP CÀM HẢ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM	Tổng mức đầu tư	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	Ghi chú
1	Đầu tư nhà xưởng, MMTB, PTVT	Cơ sở 1,5	47.000	14.300	8.500	9.000	8.000	7.200	
	Tổng cộng		47.000	14.300	8.500	9.000	8.000	7.200	

PHỤ LỤC 2
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TĂNG VỐN CỦA CÔNG TY CP CẨM HÀ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

ST T	Tên doanh nghiệp có vốn góp	Lĩnh vực đầu tư	Thời điểm 31/12/2020	Kế hoạch tăng vốn từ 2021 - 2025												Tổng số tiền đầu tư tại 31/12/2025	Ghi chú									
				Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024					Năm 2025								
				Giá trị đầu tư thêm	VBL sau khi tăng	Tỷ lệ % năm giữ của TCT trên VBL	Giá trị đầu tư thêm	VBL sau khi tăng	Tỷ lệ % năm giữ của TCT trên VBL	Giá trị đầu tư thêm	VBL sau khi tăng	Tỷ lệ % năm giữ của TCT trên VBL	Giá trị đầu tư thêm	VBL sau khi tăng	Tỷ lệ % năm giữ của TCT trên VBL			Giá trị đầu tư thêm	VBL sau khi tăng	Tỷ lệ % năm giữ của TCT trên VBL						
				27.2	27.2	51%	44.8	17.6	62.4	51%	67.3	22.4	67.3	51%	67.3	0	67.3	0	67.3	51%	67.3	0	67.3	51%	40	
	Công ty cp Cẩm Hà			x																						

PHỤ LỤC 3
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch thực hiện giải ngân				
				Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025
Đầu tư tiếp tục thực hiện các Dự án dở dang								
- Dự án chế biến gỗ:								
1	Dự án 1							
2	Dự án 2							
Đầu tư bổ sung, mới dự kiến đến năm 2025								
- Dự án chế biến gỗ:								
1	Dự án dây chuyền sx hàng nội thất XK	Cơ sở 2	46.500	39.000			7.500	
2	Đầu tư MMTB... hàng ngoại thất	Cơ sở 1,5	28.500	3.000			7.500	10.000
	...							
Tổng mức đầu tư			75.000					
Nguồn vốn thực hiện								
- <i>Vốn tự có</i>			53.000	8.000	20.000		15.000	10.000
- <i>Từ vốn cấp, bổ sung của TCT</i>			-					
- <i>Nguồn vốn khác</i>			22.000		22.000			

